

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2018/HS-ST
Ngày 26-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Hoan** và bà **Phạm Thị Hoài**

Thư ký Tòa án: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình M, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1993 tại Hải Dương. KHTT: Số 24/33 BS, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Khu 16 phường NgC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con; gia đình có 3 anh em bị cáo là con thứ nhất; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11 ngày 02/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt ngày 05/3/2018*); nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29 ngày 12/3/2010, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/11/2010 - được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*), Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36 ngày 08/3/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt chính ngày 17/10/2014 - được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*), bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2018 đến ngày 21/4/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Những người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; trú tại: Thôn NN, xã ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*);

+ Anh Trần Anh V, sinh năm 1974; trú tại: Khu 11 phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKSTPHD ngày 19/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Đình M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 19/4/2018, tại khu vực trước nhà nghỉ HG 2 trên đường LLQ, phường HT, thành phố Hải Dương. Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an thành phố Hải Dương phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đình M có hành vi cất giấu trái phép trong túi quần bên phải đang mặc một gói nilon màu trắng kích thước khoảng 1,5x1,5cm bên trong có chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng M tự khai là ma túy đá cất giấu để sử dụng cho bản thân. Quá trình bắt, thu giữ gói ma túy của M có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn T ở Thôn NN, xã ND, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và anh Trần Anh V ở Khu 11 phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đình M khai nhận: Do bản thân thỉnh thoảng có sử dụng ma túy tổng hợp dạng ma túy đá nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 19/4/2018 M đi bộ đến khu vực đường Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, gặp và mua của một người đàn ông không quen biết một gói ma túy đá với số tiền 300.000đ rồi bắt xe taxi đi tìm chỗ sử dụng. Khi đến nhà nghỉ HG 2 trên đường LLQ, phường HT thì xuống xe, tuy nhiên chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 288/KLGD-PC54 ngày 22/4/2018 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu của Nguyễn Đình M, gửi đến giám định có khối lượng là 0,323 gam là loại Methamphetamine. Hoàn trả 0,256 gam Methamphetamine.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình M thừa nhận bản thân biết Methamphetamine là chất Nhà nước cấm lưu hành nhưng do bản thân có sử dụng Methamphetamine một vài lần nên đã cố ý mua, cất giấu trái phép với mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định và không có thắc mắc gì; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm thay đổi nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đình M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 BLHS vì không đủ căn cứ truy tố bị cáo theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 BLHS ; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/4/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Nguyễn Đình M có tội và áp dụng pháp luật:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình M thừa nhận vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 19/4/2018, tại khu vực trước nhà nghỉ HG 2 trên đường LLQ, phường HT, thành phố Hải Dương. Do thực hiện hành vi cất giấu trái phép Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân đã bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng là gói Methamphetamine. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang (BL 30-31), kết luận giám định (BL 18), biên bản niêm phong vật chứng bị tạm giữ (BL 14). Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai bị cáo, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai của người làm chứng đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi cất giấu trái phép chất ma túy với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi tàng trữ chất ma túy Methamphetamine với khối lượng 0,323 gam, bị cáo Nguyễn Đình M bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Trong quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo sinh ngày 17/7/1993, thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” bị kết án tại bản án hình sự sơ thẩm số 29 ngày 12/3/2010 thuộc loại tội ít nghiêm trọng (*quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999*), bị cáo thực

hiện hành vi phạm tội vào ngày 11/10/2009 (16 tuổi 02 tháng 24 ngày) và ngày 02/12/2009 (16 tuổi 04 tháng 15 ngày), hành vi “Trộm cắp tài sản” bị kết án tại bản án hình sự sơ thẩm số 36 ngày 08/3/2012 thuộc loại tội nghiêm trọng (quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999), bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 23/6/2011 (17 tuổi 11 tháng 06 ngày) và ngày 04/7/2011 (17 tuổi 11 tháng 17 ngày). Như vậy, khi thực hiện các hành vi phạm tội bị cáo đều dưới 18 tuổi, căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về xóa án tích thì các bản án trên Nguyễn Đình M được coi là không có án tích nên lần phạm tội này bị cáo không thuộc trường hợp định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy, nội dung VKS thành phố Hải Dương thay đổi nội dung quyết định truy tố là có căn cứ chấp nhận và Hội đồng xét xử quyết định xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 02/3/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có sử dụng ma túy và thực hiện hành vi phạm tội về ma túy trong khi tệ nạn ma túy đang có chiều hướng gia tăng, do vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với toàn bộ số Methamphetamine hoàn lại sau giám định, xét thấy Methamphetamine là chất Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Căn cứ biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang (BL 30-31), kết luận giám định (BL 18), biên bản niêm phong vật chứng bị tạm giữ (BL 14); sự thừa nhận về hành vi mua và cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng của bị cáo, cơ quan cảnh sát điều tra đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình M đồng thời tiến hành hoạt động điều tra lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác: Hành vi bán ma túy cho M của đối tượng nam giới không xác định được, hành vi chở M của người lái taxi không xác định được. Việc cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của những người này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm h (*Tái phạm*) Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M **18 (mười tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/4/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine hoàn trả sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong số 288/KLGD-PC54.

(Vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình M phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương
- Trại tạm giam Kim Chi – Công an Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền